TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2021
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Vinh

Bà Trần Thị Ngọc Trân

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Bà Đào Thị Ngọc Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2019TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Danh K**, Sh năm 1995.

Địa chỉ: ấp N, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông **Gui C**, Sh ngày 26/6/1989.

Địa chỉ: No 072-1, 17 Company, 123 R, C, K, Ili Kazak Autonomous P, Xinjiang Uygur Autonomous Region, China.

(Bà K có đơn xin vắng mặt, ông Gui C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 27/8/2019 nguyên đơn bà Danh K trình bày:* Năm Năm 2013, bà và ông Gui C quen biết nhau qua mai mối, qua quá trình tìm hiểu, ông bà tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang vào ngày 23/7/2015. Nhưng do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, bà và ông C hiện nay đã ly thân và không còn liên lạc với nhau.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ vợ chồng, nên bà yêu cầu ly hôn với ông Gui C.

Bà K yêu cầu: Về quan hệ hôn nhân xin được ly hôn với ông Gui C.Về con chung: bà và ông Gui C có 01 con chung tên Kuy Giu S (nữ), Sh ngày 13/12/2013, hiện đang sống chung với ông Gui C.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi khởi kiện, bà Danh K có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con chung sau ly hôn, do không có tranh chấp và chưa có chứng cứ chứng minh Kuy Giu S (nữ), Sh ngày 13/12/2013 là con chung giữa bà và ông Gui C. Sau này nếu có tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

- *Bị đơn ông Gui C* vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và chưa có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Danh K theo thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ của Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Danh K với bị đơn ông Gui C. Về con chung, tài sản chung, nợ chung bà K không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Danh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Gui C vắng mặt tại phiên tòa theo thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ. Căn cứ Điều 228, Điều 238, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa bà Danh K và ông Gui C là hôn nhân tự nguyện, tuân thủ đúng các điều kiện về kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/7/2015, đúng quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn giữa bà Danh K và ông Gui C là do khoảng cách địa lý, không có nhiều thời gian sống chung dẫn đến không còn tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà Danh K và ông Gui C đã không còn quan tâm và liên lạc với nhau.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà Danh K và ông Gui C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó qua thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Danh K đối với ông Gui C.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Danh K xác định không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Danh K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000704 ngày 16/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

[4] Phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Danh K phải chịu phí thực hiện ủy thác tư pháp 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng), được khấu trừ chi phí ủy thác tư pháp đã nộp theo biên lai thu số 0036949 và số 0036950 ngày 01/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 153, Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Danh K về việc xin ly hôn đối với bị đơn ông Gui C.

1. Về hôn nhân: Bà Danh K được ly hôn với ông Gui C.

2. Về con chung, tài sản chung, về nợ chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Danh K phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0000704 ngày 16/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Danh K phải nộp phí thực hiện ủy thác tư pháp 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng), được khấu trừ chi phí ủy thác tư pháp đã nộp theo biên lai thu số 0036949 và số 0036950 ngày 01/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: bà Danh K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Riêng ông Gui C có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hường

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.